

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 173/GP-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1719/TTr-STNMT ngày 18/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 173/GP-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Mã số thuế: 2800791192.
2. Công trình khai thác, sử dụng nước: Công trình khai thác, sử dụng nước mặt tại kênh Bắc Bái Thượng (đoạn chảy qua phố Mật Sơn 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy Bia Hà Nội - Thanh Hóa thuộc Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa; không thực hiện việc kinh doanh bán nước ra ngoài phạm vi công ty.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

- $G_1 = 3.000$ đồng/ m^3 (đối với nước mặt dùng cho làm mát, tạo hơi, vệ sinh công nghiệp);

- $G_2 = 40.000$ đồng/ m^3 (đối với nước mặt dùng trong sản xuất rượu, bia, nước giải khát).

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

- Sản lượng dùng cho làm mát, tạo hơi: $W_1 = [(192 + 384) m^3/ngày, đêm \times 170 \text{ ngày}] + (288 + 384) m^3/ngày, đêm \times 180 \text{ ngày}] \times 5 = 1.094.400 m^3$;

- Sản lượng dùng cho hoạt động sản xuất bia: $W_2 = [(150 m^3/ngày, đêm \times 120 \text{ ngày}) + (120 m^3/ngày, đêm \times 50 \text{ ngày}) + (240 m^3/ngày, đêm \times 180 \text{ ngày})] \times 5 = 336.000 m^3$;

- Sản lượng dùng cho vệ sinh công nghiệp: $W_3 = [(774 m^3/ngày, đêm \times 120 \text{ ngày}) + (504 m^3/ngày, đêm \times 50 \text{ ngày}) + (1088 m^3/ngày, đêm \times 180 \text{ ngày})] \times 5 = 1.569.600 m^3$.

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác nước tính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2028 (theo hiệu lực của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 173/GP-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0,2 + 0,1) = 1,6$.

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $M_1 = 0,2\%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho làm mát, tạo hơi);

- $M_2 = 1,5\%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp).

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

- Số tiền phải nộp cho mục đích làm mát, tạo hơi:

$T_1 = W_1 \times G_1 \times K \times M_1 = 1.094.400 m^3 \times 3.000 \text{ đồng}/m^3 \times 1,6 \times 0,2\% = 10.506.240 \text{ đồng}$;

- Số tiền phải nộp cho mục đích hoạt động sản xuất bia:

$T_2 = W_2 \times G_2 \times K \times M_2 = 336.000 m^3 \times 40.000 \text{ đồng}/m^3 \times 1,6 \times 1,5\% = 322.560.000 \text{ đồng}$;

- Số tiền phải nộp cho mục đích vệ sinh công nghiệp:

$T_3 = W_3 \times G_1 \times K \times M_2 = 1.569.600 m^3 \times 3.000 \text{ đồng}/m^3 \times 1,6 \times 1,5\% = 113.011.200 \text{ đồng}$.

c) Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

$T = T_1 + T_2 + T_3 = 446.077.440 \text{ đồng}$ (Bốn trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng).

Trong đó, số tiền phải nộp hàng năm (2024 - 2028) là: 89.215.488 đồng/năm.

9. Phương án nộp tiền: Mỗi năm nộp 01 lần.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa.

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước ngày 15/12); đồng thời, chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá, Sở Tài chính, các ngành và đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá:

- Ban hành thông báo đến Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách nhà nước, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này.

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền nộp chậm, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành.

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12), tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá; trường hợp chưa nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phải có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá để theo dõi.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác, sử dụng nước đúng mục đích; tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ, phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND thành phố Thanh Hóa; UBND phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Chủ tịch UBND phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa; Giám đốc Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT_{VN73710}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi